

CÔNG TY TNHH AIDEN VIỆT NAM



BÁO CÁO

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

**VÙNG QUAN TRẮC: CÔNG TY TNHH AIDEN VIỆT NAM -
LÔ ĐẤT L5, KHU CÔNG NGHIỆP NAM SÁCH, PHƯỜNG ÁI
QUỐC, THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG**

ĐỢT 3 NĂM 2024

Cơ quan chủ trì: CÔNG TY TNHH AIDEN VIỆT NAM



Hải Dương, tháng 09 năm 2024

CÔNG TY TNHH AIDEN VIỆT NAM

-----2024-----

BÁO CÁO

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

VÙNG QUAN TRẮC: CÔNG TY TNHH AIDEN VIỆT NAM -
LÔ ĐẤT L5, KHU CÔNG NGHIỆP NAM SÁCH, PHƯỜNG ÁI
QUỐC, THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

Ngày quan trắc: Ngày 17 tháng 09 năm 2024

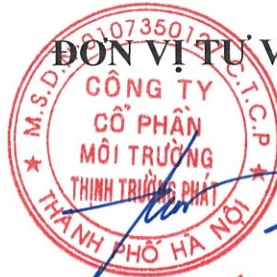
ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN



昭彦

TỔNG GIÁM ĐỐC
KATO AKIHIKO

ĐƠN VỊ TỰ VẤN



GIÁM ĐỐC

Khuất Anh Tuấn

Hải Dương, tháng 09 năm 2024

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	2
DANH MỤC BẢNG	3
DANH MỤC HÌNH.....	3
DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI THAM GIA	4
CHƯƠNG I. MỞ ĐẦU	5
1.1. Giới thiệu chung về nhiệm vụ quan trắc.....	5
1.2. Sơ lược về hoạt động của Công ty	6
1.3. Đơn vị tham gia phối hợp	15
CHƯƠNG II. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC	16
2.1. Tổng quan vị trí quan trắc.....	16
2.2. Danh mục các thông số quan trắc.....	16
2.3. Mô tả địa điểm quan trắc	16
2.4. Thông tin lấy mẫu.....	17
2.5. Công tác QA/QC trong quan trắc	18
CHƯƠNG III. NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ QUAN TRẮC	21
3.1. Nhận xét và đánh giá kết quả quan trắc.....	21
3.2. Biểu đồ đánh giá kết quả quan trắc	26
CHƯƠNG IV. NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QA/QC	28
4.1. Kết quả thực hiện QA/QC hiện trường.....	28
4.2. Kết quả thực hiện QA/QC trong phòng thí nghiệm	28
CHƯƠNG V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	29
5.1. Kết luận.....	29
5.2. Các kiến nghị	30
PHỤ LỤC	31

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BTNMT	: Bộ Tài nguyên và Môi trường
COD	: Chemical oxygen demand (Nhu cầu oxy hóa học)
KHCN	: Khoa học công nghệ
QA	: Quality assurance (Đảm bảo chất lượng)
QC	: Quality control (Kiểm soát chất lượng)
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
RPD	: Relative Percent Difference (Phần trăm sai khác tương đối)
SMEWW	: Standard Method for Examination of Water and Wastewater (Phương pháp tiêu chuẩn phân tích mẫu nước và nước thải)
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
TCVSLĐ	: Tiêu chuẩn vệ sinh lao động
BỤI LƠ LŨNG	: Total suspended particulate (Tổng bụi lơ lửng)
TSS	: Total suspended solids (Tổng chất rắn lơ lửng)
USEPA Method	: Phương pháp phân tích do Cục bảo vệ môi trường Mỹ ban hành.
CN	: Chi nhánh.

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. 1. Bảng phân công nhiệm vụ quan trắc và phân tích	4
Bảng 2. 1. Thành phần môi trường quan trắc và thông số quan trắc.....	16
Bảng 2. 2. Danh mục điểm quan trắc	16
Bảng 2. 3. Điều kiện lấy mẫu	17
Bảng 3. 1. Kết quả phân tích mẫu không khí	21
Bảng 3. 2. Kết quả phân tích mẫu không khí	21
Bảng 3. 3. Vị trí lấy mẫu không khí	22
Bảng 3. 4. Kết quả phân tích mẫu khí thải	23
Bảng 3. 5. Vị trí lấy mẫu khí thải	23
Bảng 3. 6. Kết quả phân tích mẫu nước thải	24
Bảng 3. 7. Vị trí lấy mẫu nước thải	25

DANH MỤC HÌNH

Hình 3. 1. Kết quả phân tích CO, NO _x , SO ₂ trong mẫu khí thải	26
Hình 3. 2. Kết quả phân tích TSS, BOD ₅ , COD trong mẫu nước thải	26
Hình 3. 3. Kết quả phân tích tổng P, tổng N trong mẫu nước thải	26
Hình 3. 4. Kết quả đo tiếng ồn trong không khí	27
Hình 3. 5. Kết quả phân tích SO ₂ , NO ₂ , CO trong mẫu không khí	27

DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI THAM GIA

Người chịu trách nhiệm chính:

Đơn vị chủ quản: Công ty TNHH AIDEN Việt Nam.

Ông KATO AKIHIKO - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Môi trường Thịnh Trường Phát

Ông Khuất Anh Tuấn - Chức vụ: Giám đốc.

Những người tham gia thực hiện:

Những người thực hiện báo cáo quan trắc bao gồm các cán bộ tham gia quan trắc tại hiện trường và phân tích tại phòng thí nghiệm được phân công nhiệm vụ cụ thể như sau:

Bảng 1. 1. Bảng phân công nhiệm vụ quan trắc và phân tích

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Nhiệm vụ trong chương trình quan trắc
1	Hữu Thị Ngân	ThS. Hóa môi trường	Phó giám đốc quản lý kỹ thuật
2	Đỗ Thị Thúy Vân	ThS. Kỹ thuật môi trường	Nhân viên PTN
3	Phạm Bá Sơn	CN. Khoa học môi trường	Quan trắc hiện trường
4	Lăng Thế Anh	ThS. Khoa học môi trường	Quan trắc hiện trường
5	Nguyễn Tuấn Cường	KS. Công nghệ kỹ thuật môi trường	Quan trắc hiện trường
6	Nguyễn Thị Thu	KS. Công nghệ kỹ thuật hóa học	Phân tích trong PTN
7	Nguyễn Thị Yến	KS. Công nghệ kỹ thuật môi trường	Phân tích trong PTN
8	Trần Thị Thu Huyền	ThS. Chuyên ngành sinh học	Phân tích trong PTN
9	Hoàng Thị Thu Trang	KS. Công nghệ kỹ thuật môi trường	Phân tích trong PTN
10	Đoàn Duy Khánh	CN.Chuyên ngành hóa học	Phân tích trong PTN
11	Phạm Thị Nga	KS. Công nghệ kỹ thuật môi trường	Phân tích trong PTN
12	Nguyễn Lan Hương	KS.Công nghệ sinh học	Phân tích trong PTN
13	Đinh Thị Hương	KS. Công nghệ kỹ thuật môi trường	Phân tích trong PTN

CHƯƠNG I. MỞ ĐẦU

1.1. Giới thiệu chung về nhiệm vụ quan trắc

1.1.1. Căn cứ thực hiện

Việc thực hiện quan trắc môi trường của Công ty TNHH AIDEN Việt Nam - Lô đất L5, khu công nghiệp Nam Sách, phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tuân thủ các văn bản pháp lý sau:

- Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội khóa XIV kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17/11/2020.
- Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Các quy chuẩn Việt Nam về môi trường hiện hành.
- + QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ngắn).
- + QĐ 3733/2002/QĐ-BYT: Quyết định của Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động và 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động (từng lần tối đa).
- + QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.
- + QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.
- + QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.
- + QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.
- + QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- + QCVN 40: 2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.
- + Mức cam kết với BQLKCN: Mức cam kết với Công ty Cổ phần Nam Quang (Mức C-TCVN 5945 :2005).
- Chương trình giám sát Môi trường của Công ty TNHH AIDEN Việt Nam - Lô đất L5, khu công nghiệp Nam Sách, phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

1.1.2. Phạm vi quan trắc

Quan trắc nước thải, khí thải, không khí tại Công ty TNHH AIDEN Việt Nam - Lô đất L5, khu công nghiệp Nam Sách, phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

1.1.3. Nội dung khi thực hiện quan trắc

- 1- Xác định mục đích quan trắc.
- 2- Thành phần môi trường cần quan trắc, thông số đo đạc.
- 3- Lập sơ đồ mạng điểm quan trắc.
- 4- Chuẩn bị dụng cụ, máy móc, hóa chất quan trắc.
- 5- Thực hiện quan trắc: đo đạc, lấy mẫu tại hiện trường, bảo quản, vận chuyển mẫu về phòng thí nghiệm.
- 6- Phân tích mẫu trong phòng thí nghiệm.
- 7- Lập báo cáo quan trắc.

1.1.4. Tần suất và thời gian thực hiện quan trắc

Chương trình quan trắc môi trường tại Công ty TNHH AIDEN Việt Nam - Lô đất L5, khu công nghiệp Nam Sách, phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương thực hiện định kỳ 4 lần/năm. Các vị trí lấy mẫu và thời điểm tiến hành khảo sát sẽ bám sát chương trình giám sát của Công ty và được duy trì đều đặn nhằm thu được các số liệu mang tính hệ thống làm cơ sở cho việc đánh giá chất lượng môi trường cũng như đánh giá tác dụng của các biện pháp bảo vệ môi trường của Công ty.

Công ty TNHH AIDEN Việt Nam đã phối hợp với Công ty Cổ phần Môi trường Thịnh Trường Phát tổ chức thực hiện quan trắc các thành phần môi trường của Công ty ngày 17 tháng 09 năm 2024.

1.2. Sơ lược về hoạt động của Công ty

1.2.1. Thông tin chung

- Tên Công ty: Công ty TNHH Aiden Việt Nam.
- Địa chỉ liên hệ: Lô đất L5, khu công nghiệp Nam Sách, phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
- Điện thoại: 0220.375.1450
- Ngành nghề hoạt động: Công ty TNHH AIDEN Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế tạo và lắp ráp các bộ phận, chi tiết, linh kiện và sản phẩm điện và điện tử; các loại khuôn mẫu và sản phẩm, bộ phận ép dập.
- Công suất thiết kế:

+ Sản xuất bảng mạch in PCB, các sản phẩm điện và điện tử là 18.000.000 sản phẩm/năm.

+ Sản xuất bộ phận, chi tiết, linh kiện điện và điện tử là 36.000.000 sản phẩm/năm.

+ Sản xuất, gia công và lắp ráp các linh kiện ô tô là 780.000 sản phẩm/năm.

+ Gia công các bộ phận, chi tiết, linh kiện điện và điện tử là 3.000.000 sản phẩm/năm.

- Cán bộ phụ trách môi trường: Phạm Thị Tân

Điện thoại: 0961.167.991

- Thủ tục môi trường đã được phê duyệt:

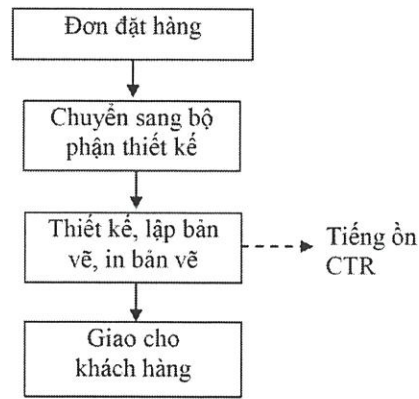
+ Quyết định số 3116/QĐ-UBND ngày 30/8/2007 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án “Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất, chế tạo và lắp ráp các bộ phận, chi tiết, linh kiện và sản phẩm điện và điện tử; các sản phẩm màn hình tinh thể lỏng (LCD); các loại khuôn mẫu và sản phẩm, bộ phận ép dập” của Công ty TNHH AIDEN Việt Nam tại KCN Nam Sách, phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

+ Giấy xác nhận số 141/GXN-STNMT ngày 30/12/2011 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hải Dương về việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của giai đoạn 1 “Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất, chế tạo và lắp ráp các bộ phận, chi tiết, linh kiện và sản phẩm điện và điện tử; các sản phẩm màn hình tinh thể lỏng (LCD); các loại khuôn mẫu và sản phẩm, bộ phận ép dập” của Công ty TNHH Aiden Việt Nam.

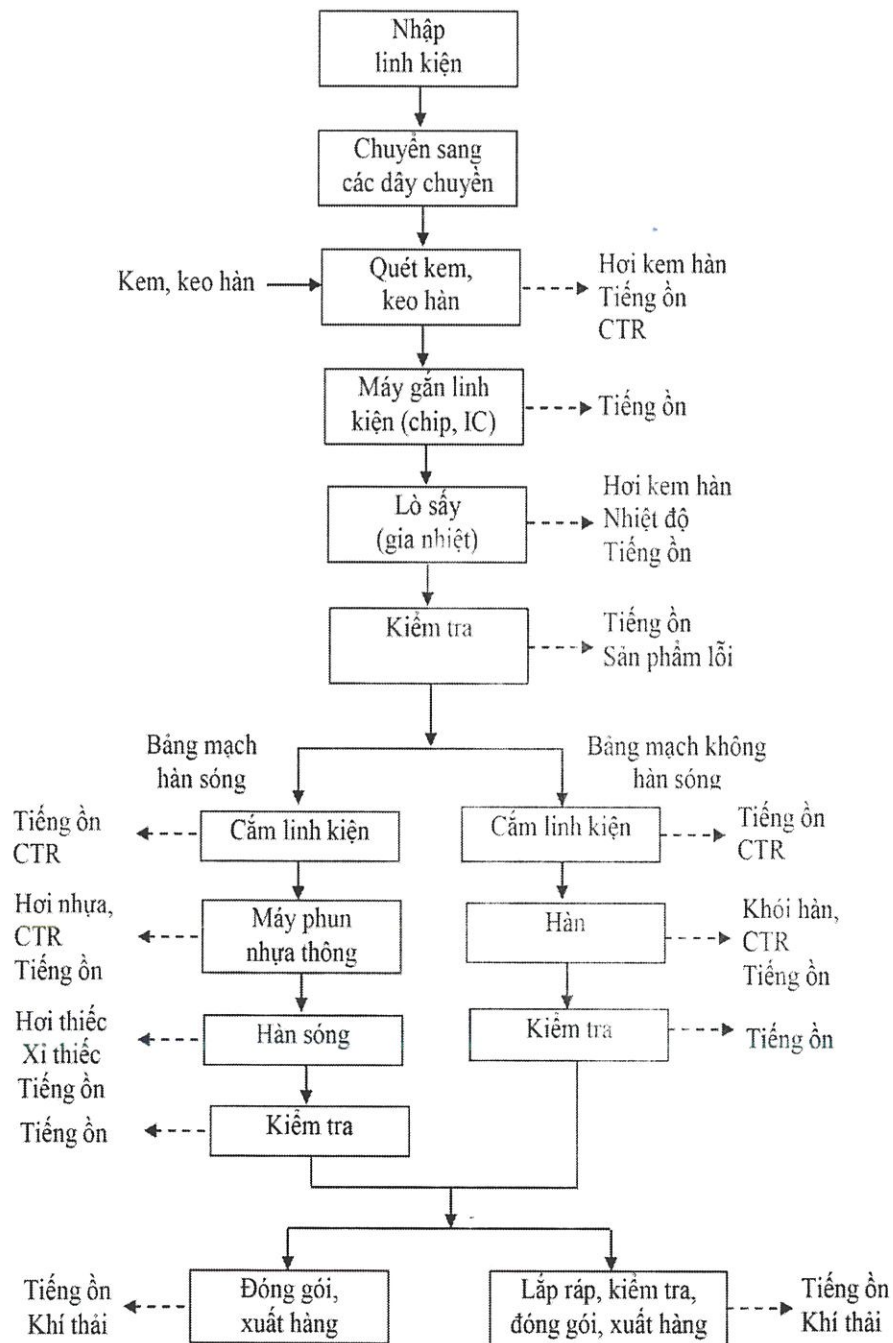
+ Quyết định số 2338/QĐ-UBND ngày 14/09/2015 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án “Đầu tư nhà máy sản xuất, chế tạo và lắp ráp các bộ phận, chi tiết, linh kiện, sản phẩm điện và điện tử; các loại khuôn mẫu và sản phẩm, bộ phận ép dập tại KCN Nam Sách, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương” của Công ty TNHH AIDEN Việt Nam.

1.2.2. Quy trình sản xuất của Công ty

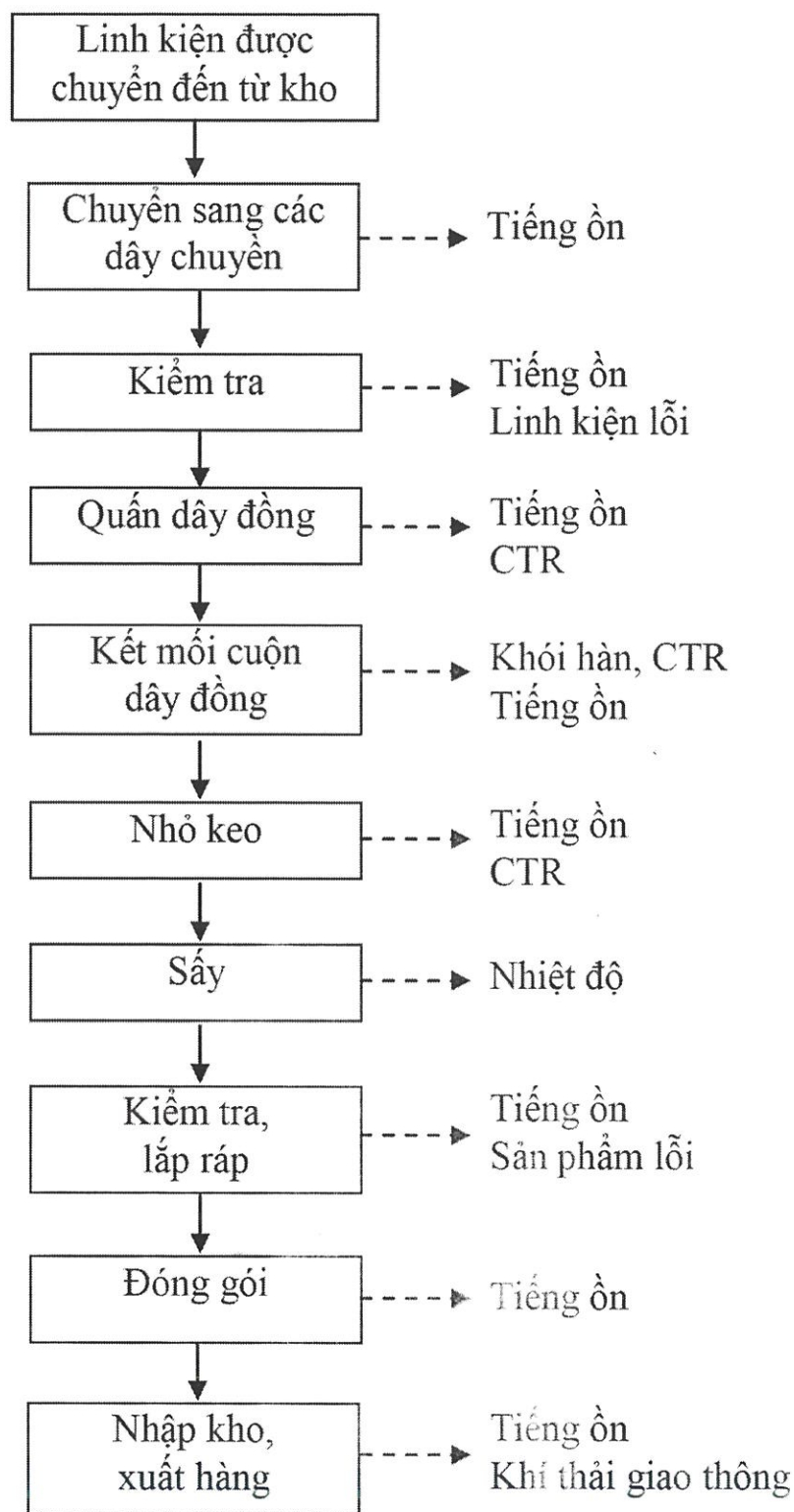
Quy trình thiết kế, lập bản vẽ thiết kế CAD, CAM



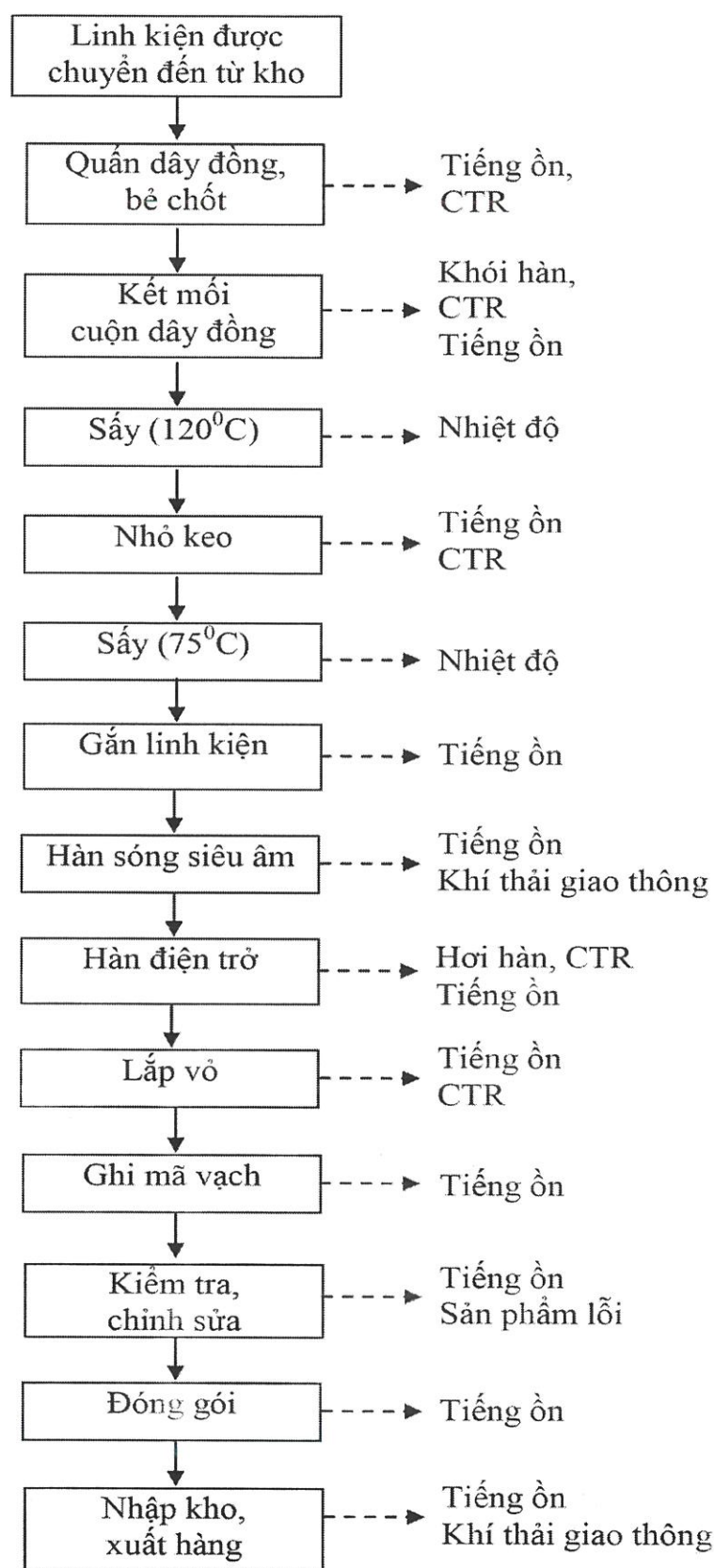
Quy trình sản xuất, lắp ráp các bảng mạch PCB và linh kiện điện tử



Quy trình gia công, lắp ráp biến áp quay của cánh tay rô bốt



Quy trình gia công, lắp ráp cảm biến dùng cho vô lăng



- Công suất hiện tại của Công ty là: 54.000.000 sản phẩm/năm.
- Số lượng lao động hiện tại của Công ty là: 850 công nhân viên.
- Tổng diện tích của Công ty là 1,98 ha.
- Tổng lượng nước thải phát sinh của Công ty là: 948 m³ /tháng.

1.2.3. Các công trình xử lý môi trường

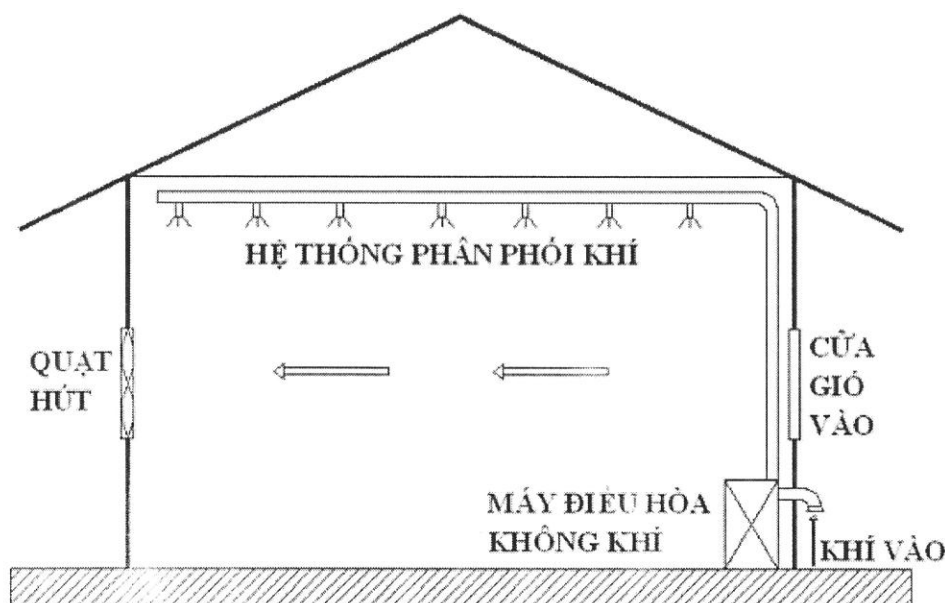
1.2.3.1. Đối với môi trường không khí

- Hệ thống quạt thông gió

Bên cạnh việc xây nhà xưởng cao thoáng, Công ty có trang bị các quạt công nghiệp đặt tại các xưởng sản xuất.

- Hệ thống điều hòa không khí.

Công ty đã lắp đặt hệ thống điều hòa có tác dụng điều hòa không khí và điều kiện vi khí hậu cho công nhân làm việc trong nhà máy. Không khí được cấp qua máy máy điều hòa đặt sàn. Máy điều hòa đặt sàn có tác dụng làm sạch không khí sau đó cấp qua hệ thống thông gió được phân bố đều trong khu vực làm việc và đảm bảo nhiệt độ tối ưu cho người lao động.



Hệ thống làm thoáng khí trong nhà xưởng

- Biện pháp xử lý hơi khí (hơi nhựa, hơi thiếc, khói hàn...) phát sinh trong quá trình sản xuất

Công ty đã lắp đặt hệ thống chụp hút và dây dẫn thu khí thải đi kèm các máy như lò sấy, máy hàn sóng siêu âm và tại các vị trí hàn tay. Khí thải được quạt hút hút rồi theo ống dẫn thoát ra ngoài môi trường xung quanh qua ống khói. Các hệ thống chụp hút, dây dẫn tại các máy như lò sấy, máy hàn sóng siêu âm là hệ thống đồng bộ.

- Tình trạng vận hành tại thời điểm lấy mẫu các công trình giảm thiểu ô nhiễm không khí đều hoạt động bình thường.

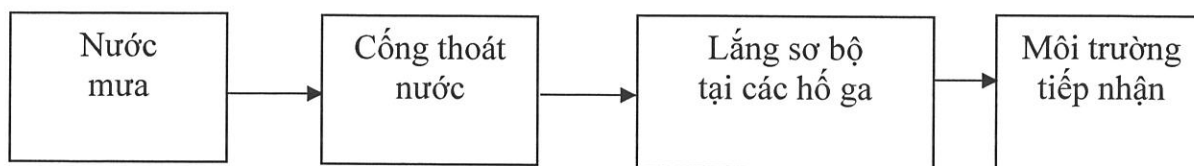
1.2.3.2. Đối với môi trường nước

- Hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn.

Định kỳ kiểm tra, nạo vét hệ thống đường ống dẫn nước mưa. Kiểm tra phát hiện hỏng hóc, mất mát để có kế hoạch sửa chữa, thay thế kịp thời.

Thực hiện tốt công tác vệ sinh công cộng để giảm bớt nồng độ các chất bẩn trong nước mưa.

Hệ thống thu gom nước mưa theo sơ đồ sau:



Hệ thống thu gom nước mưa

- Hệ thống xử lý nước thải công suất 216 m³/ngày đêm.

Thuyết minh quy trình công nghệ xử lý nước thải của Công ty:

Nước thải từ các khu vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể phốt cùng với nước thải nhà ăn đã được tách dầu mỡ theo hệ thống đường ống được dẫn vào bể gom nước thải. Nước thải từ bể gom được dẫn vào bể điều hòa. Tại bể điều hòa, nước thải điều chỉnh pH cho phù hợp. Trong bể điều hòa có lắp đặt hệ thống phân phối khí cố định dưới đáy bể nhằm đảo trộn nước thải để tránh tình trạng phân hủy yếm khí sinh mùi hôi thối trong bể điều hòa.

Từ bể điều hòa, nước thải được bơm lên bể xử lý sinh học thiếu khí Anoxic bằng hệ thống bơm đặt chìm. Tại bể Anoxic, nước thải phân phối đều trên toàn diện tích bể bằng hệ thống ống đục lỗ cố định dưới đáy bể. Để đảo trộn nước thải và bùn thiếu khí trong bể, hệ thống máy khuấy chìm lắp đặt dưới đáy bể. Trong bể Anoxic có lắp đặt hệ thống đệm sinh học (giá thể sinh học) có bề mặt riêng lớn 200 – 250 m²/m³ hệ thống đệm sinh học tạo ra môi trường bám dính cho vi sinh. Hệ thống đệm sinh học đóng vai trò hướng dòng, chia nhỏ dòng nước để dòng nước từ dưới tràn đều qua các lớp vi sinh bám dính trên đệm sinh học. Dòng tuần hoàn phía trên bể sẽ trộn với nước thải đầu vào trong điều kiện thiếu khí, quá trình phân hủy sinh học diễn ra, sinh khí metan và cacbonic. Vi sinh vật thiếu khí thủy phân và lên men các hợp chất hữu cơ phức tạp thành các chất đơn giản hơn (axetic, propionic, axit...). Phần nước trong phía trên bể theo ống dẫn sang bể xử lý sinh học hiếu khí (Aerotan)

Tại bể Aerotan, các chất ô nhiễm trong nước thải được xử lý bởi hệ vi sinh vật hiếu khí. Oxy được cấp vào bể từ máy thổi khí đặt cạn nhằm đảm bảo cung cấp đủ oxy cho vi

sinh vật hiếu khí sinh trưởng và phát triển. Trong bể có lắp đặt hệ thống đệm sinh học (giá thể vi sinh). Với bề mặt riêng lớn 200 – 250 m²/m³ hệ thống đệm sinh học tạo ra môi trường bám dính cho vi sinh. Hệ thống đệm sinh học đóng vai trò hướng dòng, chia nhỏ dòng nước để dòng nước hướng từ dưới lên trên qua lớp màng vi sinh bám dính trên đệm.

Sau đó, hỗn hợp nước và bùn vi sinh chảy vào máng thu nước và theo ống dẫn về bể lắng thứ cấp. Tại đây phần bông bùn lẫn trong nước lắng xuống đáy bể lắng. Phần nước trong chảy vào máng thu sang bể chứa nước trung gian.

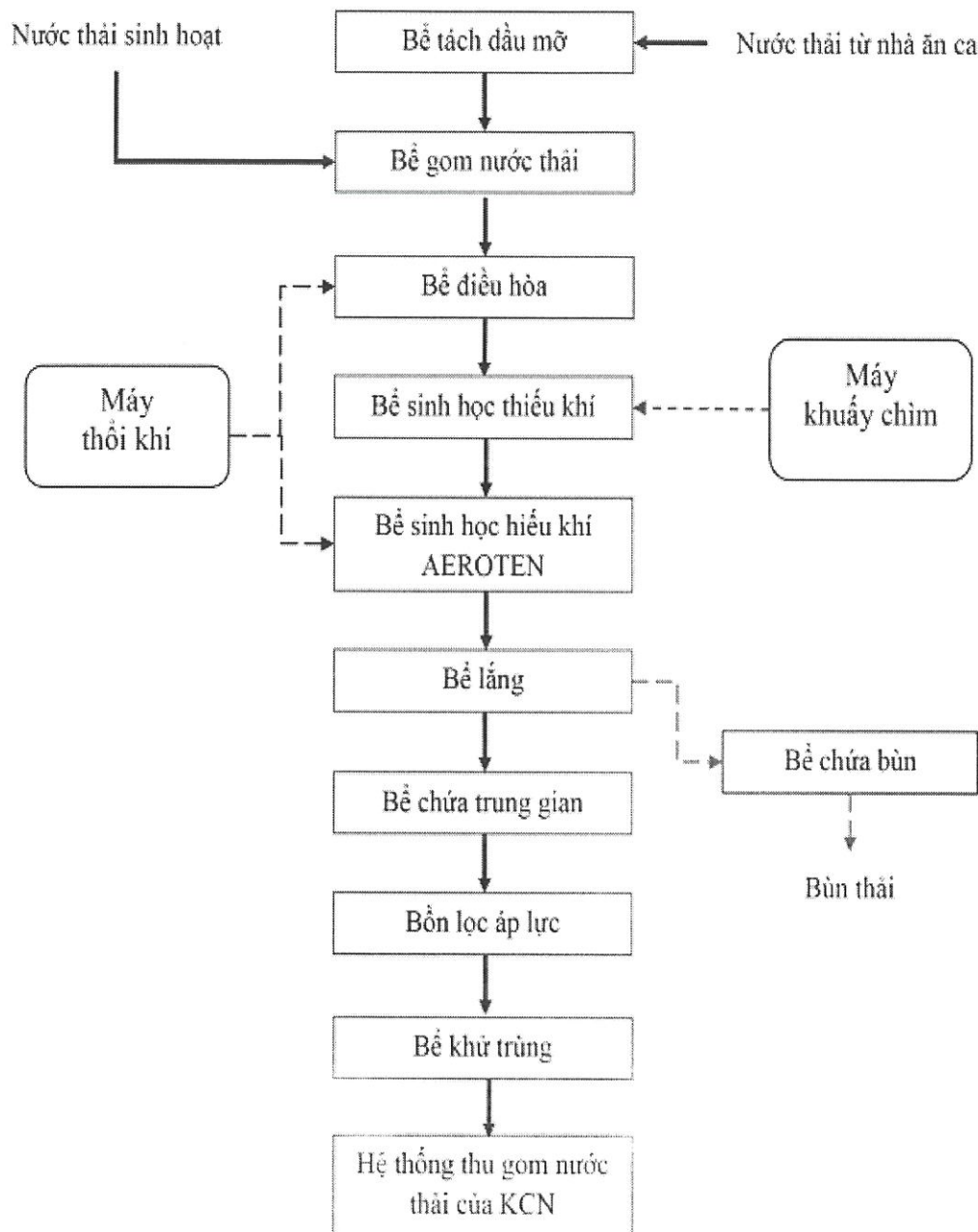
Phần bùn lắng đáy bể được bơm tuần hoàn về bể xử lý sinh học hiếu khí nhằm bổ sung phần bùn hoạt tính bị thiếu hụt. Một phần bùn dư được bơm về bể nén bùn.

Nước thải bể trung gian được bơm về bồn lọc áp lực. Tại bồn lọc, nước đi qua lớp vật liệu lọc (sỏi đỡ, cát lọc, than hoạt tính) vật liệu lọc giữ lại phần chất bẩn, cặn rắn, phần nước trong theo ống dẫn ra bể khử trùng.

Sau một thời gian làm việc, tốc độ lọc giảm, cần phải tiến hành quá trình rửa lọc. Phần nước rửa lọc được dẫn về bể chứa bùn.

Tại bể khử trùng, khí Ozon được sục vào bể để tiêu diệt các loại vi khuẩn, vi rút trong nước thải. Sau một thời gian ngắn phản ứng trong bể khử trùng, nước thải đạt quy chuẩn theo yêu cầu và tự chảy vào hệ thống thu gom nước thải của KCN.

Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Nhà máy có khả năng xử lý nước thải đạt mức A, QCVN 40:2011/BTNMT. Tuy nhiên, hiện tại hệ thống đang trong quá trình vận hành thử do đó chất lượng nước thải mới chỉ đạt mức cam kết với BQL của KCN. Công ty đã ký hợp đồng với KCN Nam Sách tiếp tục xử lý nước thải của Nhà máy đảm bảo đạt QCCP trước khi thải ra sông Bến Gạch.



Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải của Công ty

1.2.3.3. Đối với chất thải rắn

- Chất thải rắn thông thường được tập kết và phân loại tại kho rác của công ty. Sau đó chuyển giao toàn bộ cho Công ty cổ phần xử lý, tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình (Địa chỉ: 64 Phạm Huy Thông, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội). Với tần suất thu gom 3 lần/ 1 tuần.

- Chất thải rắn nguy hại được tập kết và phân loại tại kho rác của công ty. Phòng chứa Chất thải nguy hại được lưu trữ theo quy định quản lý chất thải nguy hại, có biển cảnh báo. Sau đó chuyển giao toàn bộ cho Công ty cổ phần xử lý, tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình (Địa chỉ: 64 Phạm Huy Thông, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội). Với tần

suất thu gom 1 lần/1 tháng.

(Nguồn tài liệu: Do Công ty TNHH AIDEN Việt Nam cung cấp)

1.2.4. Tình trạng lập báo cáo quan trắc môi trường

Tại thời điểm lấy mẫu mọi hoạt động tại Công ty diễn ra bình thường.

Từ khi đi vào hoạt động đến nay, Công ty luôn tuân thủ việc quan trắc môi trường định kỳ hàng năm.

1.3. Đơn vị tham gia phối hợp

Toàn bộ chương trình khảo sát, lập kế hoạch, quan trắc tại hiện trường, lấy mẫu và phân tích được thực hiện bởi Công ty Cổ phần Môi trường Thịnh Trường Phát. Các mẫu quan trắc giám sát chất lượng môi trường trong khu vực Công ty được phân tích trong phòng thử nghiệm đáp ứng các yêu cầu pháp lý về việc thực hiện quan trắc và phân tích chất lượng môi trường.

Công ty Cổ phần Môi trường Thịnh Trường Phát với chức năng đơn vị thực hiện quan trắc và phân tích môi trường, có đầy đủ năng lực trong hoạt động dịch vụ quan trắc và phân tích môi trường theo:

+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số 20/GCN-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 05 tháng 08 năm 2022 (Vimcerts 316).

+ Quyết định số 188/QĐ - AOSC ngày 27 tháng 05 năm 2024 của văn phòng công nhận năng lực đánh giá sự phù hợp về tiêu chuẩn chất lượng, công nhận phòng quan trắc và xét nghiệm môi trường có năng lực thử nghiệm đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 (VLAT-1.0954).

CHƯƠNG II. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC

2.1. Tổng quan vị trí quan trắc

2.1.1. Địa bàn thực hiện quan trắc

Địa bàn thực hiện quan trắc: Công ty TNHH AIDEN Việt Nam - Lô đất L5, khu công nghiệp Nam Sách, phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

2.1.2. Kiểu loại quan trắc

- Kiểu loại quan trắc của Công ty là: Quan trắc môi trường tác động và quan trắc chất phát thải.

2.2. Danh mục các thông số quan trắc

Danh mục các thông số quan trắc được trình bày theo thông số và thành phần môi trường như sau:

Bảng 2. 1. Thành phần môi trường quan trắc và thông số quan trắc

STT	Thành phần môi trường quan trắc	Thông số
I	Không khí	
1	Nhóm thông số đo nhanh tại hiện trường	Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, tiếng ồn
2	Nhóm thông số phân tích trong phòng thí nghiệm	TSP, CO, NO ₂ , SO ₂ , CxHy
II	Khí thải	
1	Nhóm thông số đo nhanh tại hiện trường	CO, SO ₂ , NO _x
III	Nước thải	
1	Nhóm thông số đo nhanh tại hiện trường	pH
2	Nhóm thông số phân tích trong phòng thí nghiệm	TSS, BOD ₅ , COD, NH ₄ ⁺ -N, NO ₃ ⁻ -N, tổng N, tổng P, Pb, Sn, Fe, Ni, Zn, tổng dầu mỡ, coliform

2.3. Mô tả địa điểm quan trắc

Bảng 2. 2. Danh mục điểm quan trắc

Stt	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Loại quan trắc	Mô tả điểm quan trắc
I	Không khí			
1	Mẫu không khí khu vực đầu xưởng sản xuất tầng 1 (Đầu DIP)	K1	Quan trắc tác động	Giữa khu vực đầu xưởng sản xuất tầng 1 (Đầu DIP)

2	Mẫu không khí khu vực lò sấy- SMT	K3	Quan trắc tác động	Giữa khu vực lò sấy- SMT
3	Khu vực kho	K4	Quan trắc tác động	Giữa khu vực kho
4	Mẫu không khí khu vực sản xuất Tamagawa - Đức	K5	Quan trắc tác động	Giữa khu vực sản xuất Tamagawa - Đức
5	Mẫu không khí khu vực sản xuất Harada	K6	Quan trắc tác động	Giữa khu vực sản xuất Harada
6	Mẫu không khí khu vực sản xuất Misawa Tamagawa	K7	Quan trắc tác động	Giữa khu vực sản xuất Misawa Tamagawa
7	Mẫu không khí khu vực sản xuất Utech-Star	K8	Quan trắc tác động	Giữa khu vực sản xuất Utech-Star
8	Mẫu không khí khu vực cuối xưởng sản xuất tầng 1 (Cuối DIP)	K2	Quan trắc tác động	Giữa khu vực cuối xưởng sản xuất tầng 1 (Cuối DIP)
II Khí thải				
1	Mẫu khí thải ống khói xả lần 1	KT1	Quan trắc chất phát thải	Lỗ thăm trên thân ống thoát khí thải
2	Mẫu khí thải ống khói xả lần 2	KT2	Quan trắc chất phát thải	Lỗ thăm trên thân ống thoát khí thải
3	Mẫu khí thải ống khói xả lần 3	KT3	Quan trắc chất phát thải	Lỗ thăm trên thân ống thoát khí thải
III Nước thải				
1	Mẫu nước thải tại hố ga cuối trước khi xả ra hệ thống thu gom của khu công nghiệp	NT	Quan trắc chất phát thải	Tại hố ga cuối

2.4. Thông tin lấy mẫu

Bảng 2. 3. Điều kiện lấy mẫu

STT	Ký hiệu mẫu	Ngày lấy mẫu	Đặc điểm thời tiết	Điều kiện lấy mẫu	Tên người lấy mẫu
I Không khí					
1	K1	17/09/2024	Trời không mưa	Công ty hoạt động bình thường	Lăng Thế Anh, Phạm Bá Sơn
2	K2	17/09/2024	Trời không mưa	Công ty hoạt động bình thường	Lăng Thế Anh, Phạm Bá Sơn
3	K3	17/09/2024	Trời không mưa	Công ty hoạt động bình thường	Lăng Thế Anh, Phạm Bá Sơn
4	K4	17/09/2024	Trời không mưa	Công ty hoạt động bình thường	Lăng Thế Anh, Phạm Bá Sơn

STT	Ký hiệu mẫu	Ngày lấy mẫu	Đặc điểm thời tiết	Điều kiện lấy mẫu	Tên người lấy mẫu
5	K5	17/09/2024	Trời không mưa	Công ty hoạt động bình thường	Lăng Thế Anh, Phạm Bá Sơn
6	K6	17/09/2024	Trời không mưa	Công ty hoạt động bình thường	Lăng Thế Anh, Phạm Bá Sơn
7	K7	17/09/2024	Trời không mưa	Công ty hoạt động bình thường	Lăng Thế Anh, Phạm Bá Sơn
8	K8	17/09/2024	Trời không mưa	Công ty hoạt động bình thường	Lăng Thế Anh, Phạm Bá Sơn
II	Khí thải				
1	KT1, KT2, KT3	17/09/2024	Trời không mưa	Công ty hoạt động bình thường	Lăng Thế Anh, Phạm Bá Sơn, Nguyễn Tuấn Cương
III	Nước thải				
1	NT	17/09/2024	Trời không mưa	Công ty hoạt động bình thường	Nguyễn Tuấn Cương

2.5. Công tác QA/QC trong quan trắc

Trong quá trình giám sát chất lượng môi trường tại Công ty, Công ty Cổ phần môi trường Thịnh Trường Phát đã thực hiện đảm bảo chất lượng và kiểm soát chất lượng trong các khâu thiết kế chương trình quan trắc, quan trắc tại hiện trường, phân tích trong phòng thí nghiệm và xử lý số liệu, lập báo cáo theo đúng yêu cầu về kỹ thuật và chất lượng được quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT. Cụ thể như sau:

2.5.1. QA/QC trong lập kế hoạch quan trắc

Đối với kế hoạch quan trắc cho Công ty, Công ty Cổ phần môi trường Thịnh Trường Phát đã tiến hành thống kê các thông số cần thực hiện dựa trên yêu cầu của Công ty, sau đó lựa chọn phương pháp phân tích phù hợp với quy định về kỹ thuật hiện hành, phù hợp với Chứng nhận VIMCERTS của Công ty Cổ phần môi trường Thịnh Trường Phát, đồng thời, phối hợp với Công ty để thống nhất và cùng nhau thực hiện.

2.5.2. QA/QC trong công tác chuẩn bị

Trước khi tiến hành quan trắc tại hiện trường, Công ty Cổ phần môi trường Thịnh Trường Phát đã chuẩn bị các trang thiết bị quan trắc môi trường phù hợp với phương pháp đo, thử đã được xác định, đáp ứng yêu cầu của phương pháp về kỹ thuật và đo lường. Các hoá chất và mẫu chuẩn đựng trong các bình chứa phù hợp có dán nhãn. Người thực hiện

thể, rõ ràng. Các số liệu đo đạc và thử nghiệm được xử lý và báo cáo với các chú thích rõ ràng.

2.5.3. QA/QC tại hiện trường

*** Đảm bảo chất lượng:**

- Để đảm bảo chất lượng trong quá trình lấy mẫu, xử lý và bảo quản mẫu tại hiện trường, nhóm quan trắc đã xác định đúng vị trí cần lấy mẫu; thực hiện lấy đầy đủ số lượng mẫu theo yêu cầu kỹ thuật quy định cho từng thông số. Phương pháp lấy mẫu, xử lý và bảo quản mẫu được sử dụng phù hợp với các thông số quan trắc theo TCVN, US. EPA Method, SMEWW về môi trường theo đúng yêu cầu về kỹ thuật. Trang thiết bị được kiểm tra, hiệu chuẩn trước khi đưa ra hiện trường. Dụng cụ chứa mẫu phù hợp với từng thông số quan trắc và được dán nhãn. Trong quá trình quan trắc và lấy mẫu, lập báo cáo lấy mẫu trong thời gian lấy mẫu để ghi lại toàn bộ tiến trình lấy mẫu.

- Để đảm bảo và kiểm soát chất lượng trong quá trình đo thử tại hiện trường, tiến hành đo thử ngay sau khi lấy mẫu. Đồng thời, tiến hành đo mẫu kiểm soát chất lượng tại hiện trường là mẫu lặp với thông số đo nhanh. Các kết quả đo được ghi lại trong biên bản thử nghiệm tại hiện trường theo biểu mẫu đã ban hành.

- Để đảm bảo chất lượng trong vận chuyển mẫu về phòng thí nghiệm, thời gian vận chuyển và nhiệt độ của mẫu thực hiện theo TCVN đối với từng thông số quan trắc và cách bảo quản mẫu. Mẫu được bàn giao cho cán bộ phòng thử nghiệm và ghi nhận trong biên bản bàn giao.

2.5.4. QA/QC trong phòng thí nghiệm

*** Đảm bảo chất lượng:**

Để đảm bảo chất lượng trong phân tích tại phòng thử nghiệm: sử dụng các phương pháp đã được tiêu chuẩn hoá phù hợp với yêu cầu quy định và đã được phê duyệt. Trang thiết bị của phòng thí nghiệm được hiệu chuẩn trước khi sử dụng. Việc vận hành và bảo dưỡng trang thiết bị do cán bộ có đủ năng lực đảm nhiệm. Phòng thử nghiệm thường xuyên tham gia các chương trình so sánh liên phòng thí nghiệm và chương trình thử nghiệm thành thạo để chứng minh sự phù hợp của các trang thiết bị liên quan; sử dụng các mẫu chuẩn hoặc chất chuẩn đã biết nồng độ từ các nhà cung cấp hoá chất chuẩn có uy tín và được chứng nhận để kiểm tra trang thiết bị. Các mẫu sau khi phân tích xong được lưu giữ và bảo quản trong thời gian theo quy định để sử dụng trong trường hợp cần kiểm tra lại.

Việc đo thử các mẫu được thực hiện bằng phương pháp tiêu chuẩn đã được phòng thí nghiệm phê duyệt, tiến trình thực hiện đối với từng thông số được thể hiện rõ trong bản Quy trình thực hiện phép thử (SOP) do phòng thí nghiệm ban hành khi phê duyệt phương pháp. Các số liệu thu được đều được tính toán, xử lý theo kết quả phê duyệt phương pháp. Trong trường hợp kết quả phân tích không đáp ứng được yêu cầu phương pháp, tiến hành rà soát và tìm nguyên nhân gây ra sai số. Trên cơ sở đó quyết định có cần thực hiện lại phép thử hay không.

Trong quá trình xử lý số liệu và báo cáo kết quả: các tài liệu, hồ sơ về hoạt động quan trắc có liên quan đến quá trình quan trắc tại hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm được lập đầy đủ, trung thực và kịp thời. Tất cả các tài liệu, hồ sơ gốc về hoạt động quan trắc được lưu giữ và quản lý theo quy định. Trung thực với kết quả đo, thử tại hiện trường cũng như kết quả phân tích trong phòng thử nghiệm.

Việc lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường bảo đảm tính trung thực, kịp thời, chính xác và khách quan.

*** Kiểm soát chất lượng:**

Đối với việc kiểm soát chất lượng trong quá trình phân tích tại phòng thử nghiệm, tiến hành kiểm soát chất lượng bằng mẫu lặp và được thực hiện bởi 2 phân tích viên khác nhau trên cùng 1 mẫu và điều kiện phòng thí nghiệm.

Đánh giá độ chụm của mẫu lặp tại hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm thông qua việc tính toán phần trăm sai khác tương đối (%RPD) của kết quả đo và phân tích theo công thức sau:

$$RPD\% = |X_1 - X_2| / (X_1 + X_2) / 2 * 100\%$$

Tiêu chí chấp nhận là $RPD < 20\%$.

Đánh giá mẫu trắng thông qua việc đo đặc mẫu trắng và tiêu chí chấp nhận là giá trị đo mẫu trắng nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp.

2.5.5. Hiệu chuẩn thiết bị

Các thiết bị chính để đo đặc tại hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm được hiệu chuẩn định kỳ 1 lần/năm.

CHƯƠNG III. NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ QUAN TRẮC

Thực hiện quan trắc các thành phần môi trường tại các vị trí quan trắc trong khu vực hoạt động của Công ty bằng các thiết bị chuyên dụng để lấy mẫu và đo nhanh các thông số ngoài hiện trường theo đúng yêu cầu quy định về chất lượng.

Các thông số sau khi lấy mẫu được bảo quản trong thùng lạnh có nhiệt độ $\leq 4^{\circ}\text{C}$ và vận chuyển về phòng thí nghiệm. Mẫu sẽ được phân tích trong thời gian cho phép của phương pháp để đảm bảo tính đại diện, cũng như độ chính xác theo yêu cầu quy định về chất lượng.

Kết quả đo đạc và thử nghiệm được thể hiện trong các bảng dưới và phụ lục của báo cáo này.

3.1. Nhận xét và đánh giá kết quả quan trắc

3.1.1. Không khí

Bảng 3. 1. Kết quả phân tích mẫu không khí

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ				QCVN 03:2019/BYT
			K1	K3	K4	K5	STEL
1	Nhiệt độ ^(c)	°C	28,8	29,2	29,3	28,9	18 ÷ 32 ⁽¹⁾
2	Độ ẩm ^(c)	%	64,2	63,8	63,7	64,2	40 ÷ 80 ⁽¹⁾
3	Tốc độ gió ^(c)	m/s	0,3	0,3	0,4	0,4	0,2 ÷ 1,5 ⁽¹⁾
4	SO ₂ ^(c)	mg/m ³	0,066	0,066	0,064	0,069	10
5	NO ₂ ^(c)	mg/m ³	0,088	0,076	0,085	0,073	10
6	C _x H _y ^(c)	mg/m ³	KPH	KPH	KPH	KPH	300 ⁽²⁾
7	CO ^(c)	mg/m ³	5,06	6,79	6,28	6,68	40
8	Tiếng ồn (LA _{max}) ^(c)	dBA	68,7	69,8	65,2	73,8	115 ⁽³⁾
9	Tiếng ồn (LA _{eq}) ^(c)	dBA	66,2	68,4	63,1	71,3	85 ⁽³⁾
10	Bụi toàn phần (mẫu thời điểm) ^(c)	mg/m ³	0,062	0,092	0,088	0,121	8 ⁽⁴⁾

Bảng 3. 2. Kết quả phân tích mẫu không khí

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ				QCVN 03:2019/BYT
			K6	K7	K2	K8	STEL
1	Nhiệt độ ^(c)	°C	28,9	28,8	28,9	28,9	18 ÷ 32 ⁽¹⁾
2	Độ ẩm ^(c)	%	64,1	64,3	64,2	64,1	40 ÷ 80 ⁽¹⁾
3	Tốc độ gió ^(c)	m/s	0,3	0,3	0,3	0,3	0,2 ÷ 1,5 ⁽¹⁾
4	SO ₂ ^(c)	mg/m ³	0,088	0,085	0,070	0,068	10

5	NO ₂ ^(c)	mg/m ³	0,082	0,084	0,068	0,066	10
6	C _x H _y ^(c)	mg/m ³	KPH	KPH	KPH	KPH	300⁽²⁾
7	CO ^(c)	mg/m ³	5,67	5,46	5,06	6,07	40
8	Tiếng ồn (LA _{max}) ^(c)	dBA	67,4	66,2	68,2	67,3	115⁽³⁾
9	Tiếng ồn (LA _{eq}) ^(c)	dBA	65,6	64,8	65,9	64,1	85⁽³⁾
10	Bụi toàn phần (mẫu thời điểm) ^(c)	mg/m ³	0,091	0,083	0,086	0,058	8⁽⁴⁾

Bảng 3. 3. Vị trí lấy mẫu không khí

Stt	Tên mẫu	Vị trí quan trắc
1	K1	Mẫu không khí khu vực đầu xưởng sản xuất tầng 1 (Đầu DIP)
2	K3	Mẫu không khí khu vực lò sấy- SMT
3	K4	Mẫu không khí khu vực kho
4	K5	Mẫu không khí khu vực sản xuất Tamagawa - Đức
5	K6	Mẫu không khí khu vực sản xuất Harada
6	K7	Mẫu không khí khu vực sản xuất Misawa Tamagawa
7	K8	Mẫu không khí khu vực sản xuất Utech-Star
8	K2	Mẫu không khí khu vực cuối xưởng sản xuất tầng 1 (Cuối DIP)

Ghi chú:

- (c)- Thông số không thuộc phạm vi quy định trong văn bản quy phạm pháp luật về môi trường của Bộ TNMT và được thực hiện theo Giấy phép đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động số: 195/SYT-NVY ngày 17 tháng 01 năm 2023;

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc

- STEL: Là giá trị nồng độ của một chất trong không khí môi trường lao động, tính trung bình theo thời lượng 15 phút, mà không được phép để người lao động tiếp xúc vượt quá ngưỡng này.

- (1): QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;

- (2): QĐ 3733/2002/QĐ-BYT: Quyết định của Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động và 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động

- (3): QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc

- (4): QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

- KPH: Không phát hiện.

Nhận xét:

- Vi khí hậu (nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió): Giá trị đo vi khí hậu tại các vị trí trong không khí của Công ty TNHH AIDEN Việt Nam đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

- Tiếng ồn: Giá trị đo tiếng ồn tại các vị trí trong không khí của Công ty TNHH AIDEN Việt Nam đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- TSP: Giá trị nồng độ TSP phân tích trong các mẫu không khí của Công ty TNHH AIDEN Việt Nam đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

- CxHy: Giá trị nồng độ CxHy phân tích trong các mẫu không khí của Công ty TNHH AIDEN Việt Nam đều nằm trong giới hạn cho phép theo QĐ 3733/2002/QĐ-BYT: Quyết định của Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động và 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động (từng lần tối đa).

- CO, SO₂, NO₂: Giá trị nồng độ CO, SO₂, NO₂ phân tích trong các mẫu không khí của Công ty TNHH AIDEN Việt Nam đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ngắn).

3.1.2. Khí thải

Bảng 3. 4. Kết quả phân tích mẫu khí thải

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ				QCVN 19:2009/BTNMT	
			KT1	KT2	KT3	KQTB	Cột B	Cmax
1	CO ^(b)	mg/Nm ³	2,05	2,05	2,05	2,05	1.000	900
2	SO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	1,57	1,05	1,57	1,40	500	450
3	NO _x NO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	3,01	3,01	2,44	2,82	850	765

Bảng 3. 5. Vị trí lấy mẫu khí thải

STT	Tên mẫu	Vị trí quan trắc
1	KT1	Mẫu khí thải ống khói xả lần 1
2	KT2	Mẫu khí thải ống khói xả lần 2
3	KT3	Mẫu khí thải ống khói xả lần 3

Ghi chú:

- (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

- Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

- $C_{max} = C_x \cdot K_P \cdot K_v$: Nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp;

Trong đó:

C: Nồng độ tối đa cho phép của các chất ô nhiễm quy định trong QCVN 19:2009/BTNMT, áp dụng Cột B;

KP: Hệ số lưu lượng nguồn thải, đối với công ty có lưu lượng nguồn thải $20.000 < P < 100.000 \text{ m}^3/\text{h}$ nên lấy $K_P = 0,9$.

Kv: Hệ số vùng, đối với Công ty thuộc khu công nghiệp nên lấy $K_v = 1$.

- KQTB: Kết quả trung bình.

Nhận xét:

Giá trị nồng độ các thông số phân tích trong mẫu khí thải của Công ty TNHH AIDEN Việt Nam đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, C_{max}).

3.1.3. Nước thải

Bảng 3. 6. Kết quả phân tích mẫu nước thải

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/ BTNMT
				NT	Cột A
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,12	6 ÷ 9
2	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/l	TCVN 6001-1:2008	2,74	30
3	COD ^(b)	mg/l	SMEWW 5220C:2017	3,19	75

4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/l	TCVN 6625:2000	5	50
5	Pb ^(b)	mg/l	TCVN 6193:1996	KPH	0,1
6	Nitrat (NO ₃ ⁻ _N) ^(b)	mg/l	SMEWW 4500.NO ₃ ⁻ .E:2017	0,78	-
7	Kẽm (Zn) ^(b)	mg/l	TCVN 6193:1996	KPH	3
8	Niken (Ni) ^(b)	mg/l	TCVN 6193:1996	KPH	0,2
9	Sắt (Fe) ^(b)	mg/l	US EPA Method 200.7	KPH	1
10	NH ₄ ⁺ _N ^(b)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	0,20	5
11	Thiếc (Sn) ^(d)	mg/l	SMEWW 3113B:2017	KPH	-
12	Tổng N ^(b)	mg/l	TCVN 6638:2000	7,85	20
13	Tổng Photpho ^(b)	mg/l	TCVN 6202:2008	0,136	4
14	Coliform ^(b)	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2017	94	3.000
15	Tổng dầu mỡ [#]	mg/l	SMEWW 5520B:2017	0,8	-

Bảng 3. 7. Vị trí lấy mẫu nước thải

STT	Tên mẫu	Vị trí quan trắc
1	NT	Mẫu nước thải tại hố ga cuối trước khi xả ra hệ thống thu gom của khu công nghiệp

Ghi chú:

(b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

(d)- Chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 11 do Trung tâm Tư vấn và Truyền thông Môi trường (Vimcerts 208) thực hiện;

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- Cột A: quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;

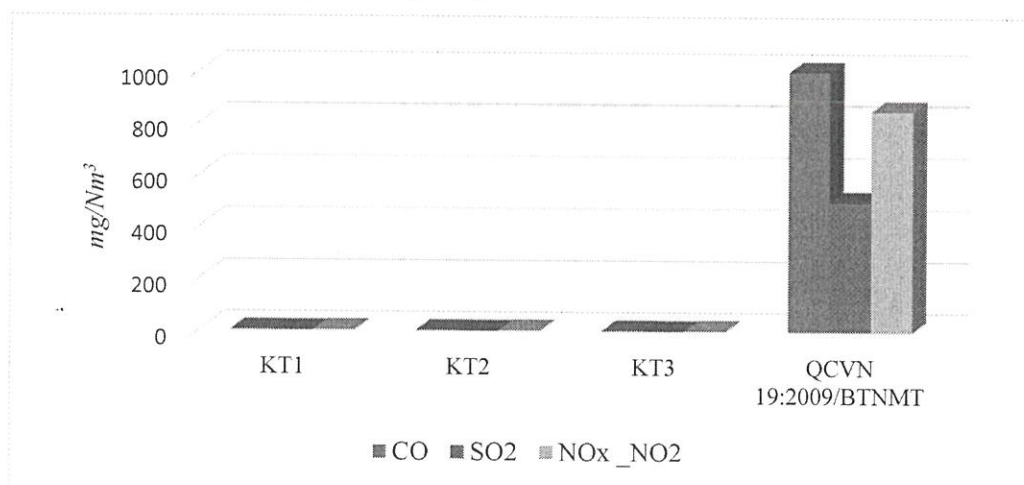
- KPH: Không phát hiện.

Nhận xét:

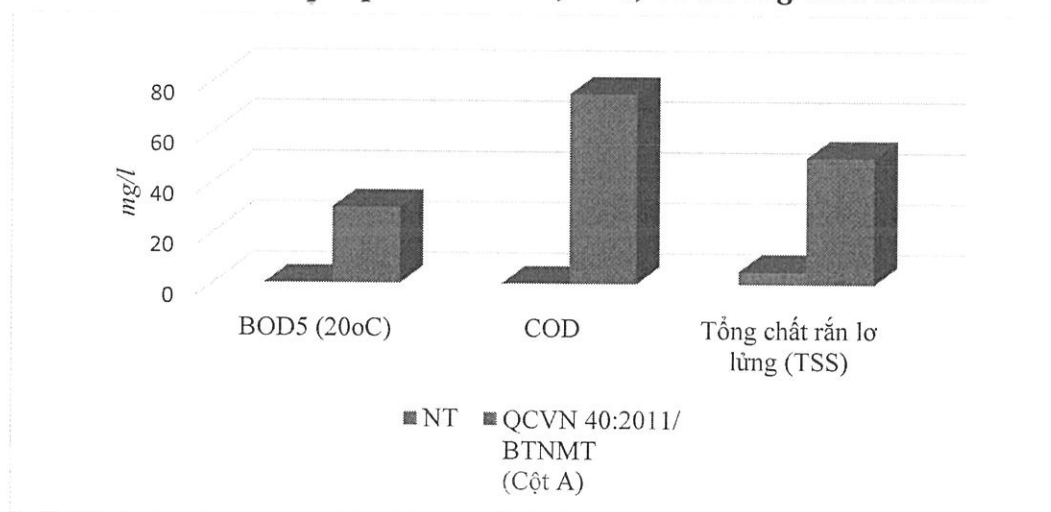
Giá trị nồng độ các thông số phân tích trong mẫu nước thải tại hố ga cuối trước khi xả ra hệ thống thu gom của khu công nghiệp của Công ty TNHH AIDEN Việt Nam đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A). Như vậy nước thải của Công ty TNHH AIDEN Việt

Nam đảm bảo yêu cầu xả vào hệ thống thu gom của khu công nghiệp.

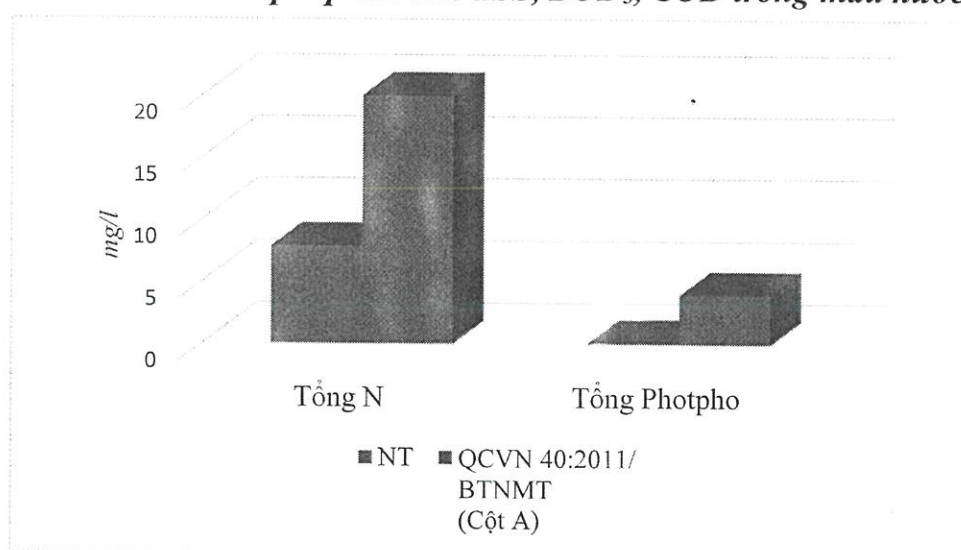
3.2. Biểu đồ đánh giá kết quả quan trắc



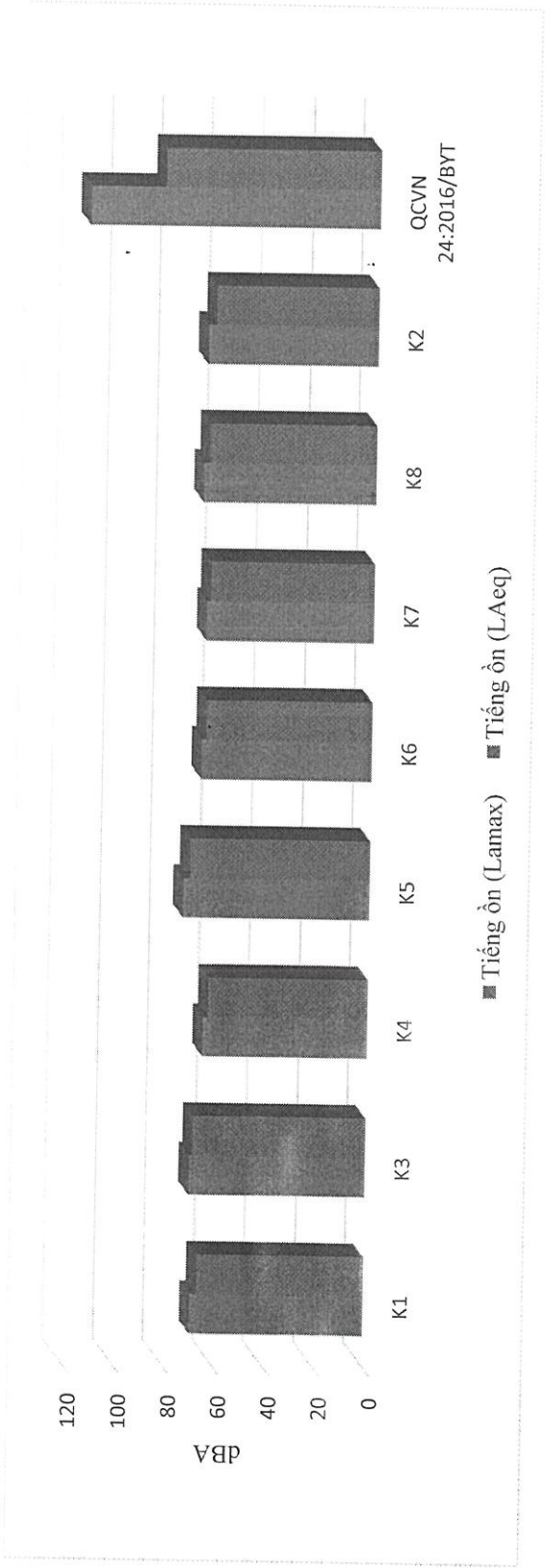
Hình 3. 1. Kết quả phân tích CO, NO_x, SO₂ trong mẫu khí thải



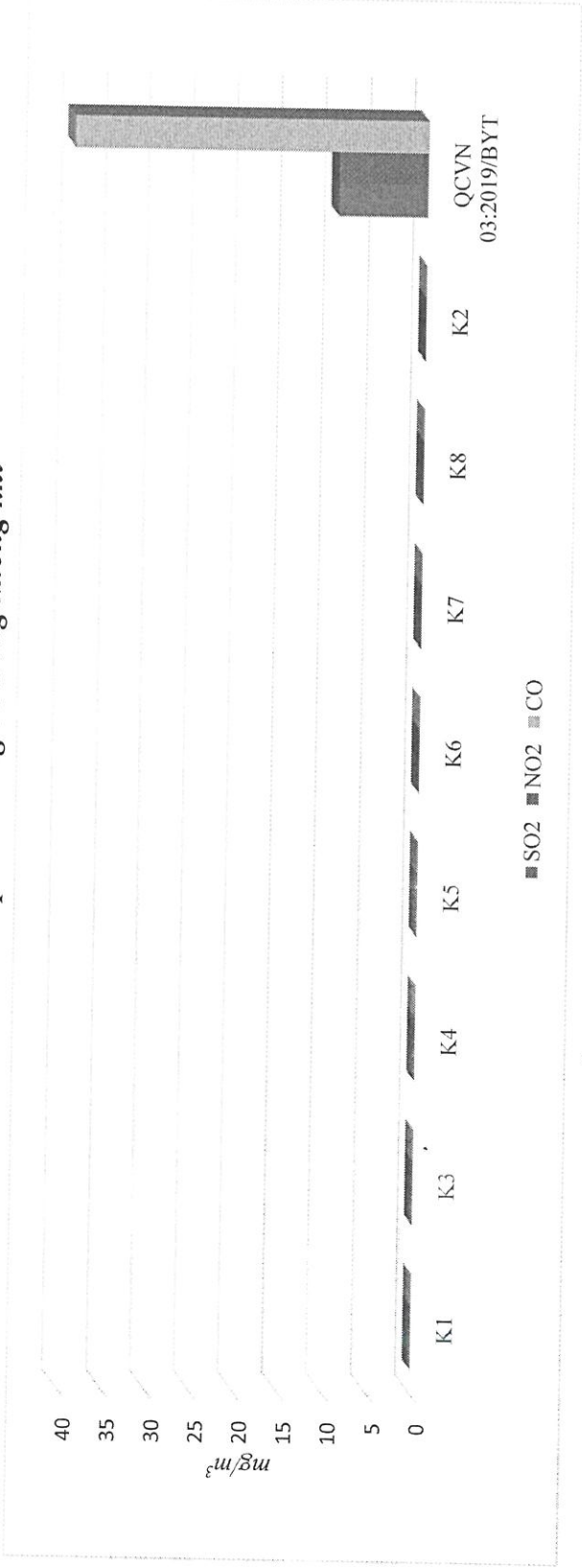
Hình 3. 2. Kết quả phân tích TSS, BOD₅, COD trong mẫu nước thải



Hình 3. 3. Kết quả phân tích tổng P, tổng N trong mẫu nước thải



Hình 3. 4. Kết quả đo tiếng ồn trong không khí



Hình 3. 5. Kết quả phân tích SO₂, NO₂, CO trong mẫu không khí

CHƯƠNG IV. NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QA/QC

4.1. Kết quả thực hiện QA/QC hiện trường

- Thực hiện đầy đủ các quy định về thiết kế chương trình quan trắc môi trường.
- Bảo đảm đáp ứng mục đích sử dụng số liệu, thời gian, tần suất, thành phần và thông số quan trắc hợp lý, tối ưu.
- Tuân thủ các quy định về quy trình, phương pháp cho từng thành phần và thông số môi trường cần quan trắc.
- Thường xuyên được rà soát, điều chỉnh, bổ sung.
- Xác định quy trình lấy mẫu, thể tích mẫu cần lấy, loại dụng cụ chứa mẫu, loại hóa chất bảo quản, thời gian lưu mẫu, loại mẫu và số lượng mẫu cần kiểm soát chất lượng.
- Lập danh mục và kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, hiệu chuẩn các thiết bị hiện trường và các thiết bị phòng thí nghiệm, bao gồm cả thiết bị, dụng cụ, phương tiện bảo đảm an toàn lao động.
- Số lượng mẫu QC hiện trường bằng 10% tổng số lượng mẫu.
- Quá trình quan trắc được đảm bảo chất lượng từ quá trình thiết kế chương trình quan trắc đến quá trình lấy mẫu tại hiện trường và các thiết bị phòng thí nghiệm. Tuân thủ đúng các quy định tại thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.2. Kết quả thực hiện QA/QC trong phòng thí nghiệm

- Mẫu lập được đánh giá bằng cách tính toán độ lệch chuẩn (SD) và độ lệch chuẩn tương đối (RPD%), chuẩn mực chấp nhận $RPD < 20\%$.
- Mẫu chuẩn được đánh giá bằng cách tính toán độ thu hồi (R%) và tiêu chí chấp nhận của R là trong khoảng từ 80 đến 110%.
- Số lượng mẫu kiểm soát chất lượng chiếm 10% tổng số mẫu.

CHƯƠNG V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

5.1. Kết luận

Kết quả thực hiện quan trắc/giám sát môi trường tại Công ty TNHH AIDEN Việt Nam - Lô đất L5, khu công nghiệp Nam Sách, phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, cho thấy:

- Hoàn thành đúng thời gian, tiến độ và nội dung theo yêu cầu;
- Thực hiện chương trình quan trắc môi trường với số lượng mẫu theo đúng nội dung yêu cầu của chương trình giám sát môi trường.
- Áp dụng đầy đủ các hoạt động bảo đảm chất lượng và kiểm soát chất lượng (QA/QC) trong quan trắc theo quy định hiện hành tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Tại thời điểm quan trắc (ngày 17/09/2024) chất lượng nước thải, khí thải và không khí Công ty TNHH AIDEN Việt Nam được đánh giá như sau:

Môi trường không khí khu vực nhìn chung chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm đối với các loại khí thải độc hại cũng như bụi, tiếng ồn.

- **Không khí:** Kết quả quan trắc/phân tích các thông số tại các vị trí trong không khí của Công ty TNHH AIDEN Việt Nam đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc, QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QĐ 3733/2002/QĐ-BYT: Quyết định của Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động và 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động (từng lần tối đa), QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc và QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ngắn).

- **Khí thải:** Giá trị nồng độ các thông số phân tích trong mẫu khí thải của Công ty TNHH AIDEN Việt Nam đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, C_{max}).

- **Nước thải:** Giá trị nồng độ các thông số phân tích trong mẫu nước thải tại hố ga cuối trước khi xả ra hệ thống thu gom của khu công nghiệp của Công ty TNHH AIDEN Việt Nam đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ

thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A) Như vậy nước thải của Công ty TNHH AIDEN Việt Nam đảm bảo yêu cầu xả vào hệ thống thu gom của khu công nghiệp.

5.2. Các kiến nghị

Công ty TNHH AIDEN Việt Nam kính đề nghị các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường giúp đỡ Công ty trong công tác quản lý và bảo vệ môi trường, tạo điều kiện để Công ty đẩy mạnh phát triển sản xuất kinh doanh kết hợp với bảo vệ môi trường./.

Hải Dương, ngày 11 tháng 10 năm 2024

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN

昭彦
TỔNG GIÁM ĐỐC
KATO AKIHIKO

PHỤ LỤC

1. Biên bản xác nhận lấy mẫu.
2. Phiếu kết quả phân tích mẫu.
3. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

	CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THỊNH TRƯỜNG PHÁT PHÒNG QUAN TRẮC VÀ XÉT NGHIỆM MÔI TRƯỜNG
	Đc: LK 423, khu đất dịch vụ Yên Lộ, Yên Nghĩa, Hà Đông, TP. Hà Nội Tell: 0988177526 - 0333258686

BIÊN BẢN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Hôm nay, vào hồi giờ phút, ngày 17... tháng 9... năm 2024

Tại: CÔNG TY TNHH AIDEN VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô 5, KCN Nam Sách, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Chúng tôi gồm:

I. ĐẠI DIỆN: CƠ SỞ ĐƯỢC LẤY MẪU

1. Ông (bà): Chức vụ:

2. Ông (bà): Trần Thị Tuyên..... Chức vụ: Nhân viên.....

II. ĐẠI DIỆN:

1. Ông (bà): Chức vụ:

2. Ông (bà): chức vụ:

III. ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THỊNH TRƯỜNG PHÁT

1. Ông (bà): Phạm Bá Sơn..... Chức vụ: Nhân viên.....

2. Ông (bà): chức vụ:

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của Cơ sở như sau:

IV. ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU:

Trời không mưa.....

V. ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU:

Không hoạt động, vì bị lấy mẫu theo yêu cầu của cơ sở.....

VI. TÌNH TRẠNG BẢO QUẢN VÀ NIÊM PHONG MẪU VẬT:

Mẫu được thu, bảo quản đúng theo TCVN hiện hành và có niêm phong của các bên liên quan.

VII. NỘI DUNG ĐO ĐẠC, LẤY MẪU:

STT	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Tọa độ	Ký hiệu
1	Khu vực đầu xưởng sản xuất tầng 1 (Đầu DIP)	X: Y:	K1
2	Khu vực cuối xưởng sản xuất tầng 1 (Đầu DIP)	X: Y:	K2

3	Khu vực lò sấy- SMT	X: Y:	K3
4	Khu vực kho	X: Y:	K4
5	Khu vực sản xuất Tamagawa - Đức	X: Y:	K5
6	Khu vực sản xuất Harada	X: Y:	K6
7	Khu vực sản xuất Misawa Tamagawa	X: Y:	K7
8	Khu vực sản xuất Utech- Star	X: Y:	K8
9	Nước thải tại hố ga cuối trước khi xả ra hệ thống thu gom của khu công nghiệp	X: Y:	NT
10	Khí thải ống khói xả lần 1	X: Y:	KT ₁
11	Khí thải ống khói xả lần 2	X: Y:	KT ₂
12	Khí thải ống khói xả lần 3	X: Y:	KT ₃
13		X: Y:	

VII. PHƯƠNG PHÁP LẤY MẪU :

- **Khí thải:** ☐ US EPA method 2, ☐ US EPA method 5, ☐ US EPA method 8, ☐ US EPA method 26, ☐ US EPA method 29, ☐ PD/ CEN 13649:2014,

- **Không khí:** ☐ QCVN 46:2012/BTNMT, ☐ TCVN 5067:1995, ☐ TTP.SPT.KXQ, ☐ TCVN 5971:1995, ☐ TCVN 6137:2009,

- **Nước Thải:** ☐ TCVN 6663:2016,

Việc đo đạc, lấy mẫu:

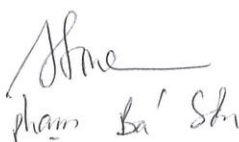
Bắt đầu hồi giờ Phút, ngày 17..., tháng 9..., năm 2024..

Kết thúc hồi giờ phút, ngày 17..., tháng 9..., năm 2024.

Quá trình lấy mẫu và bảo quản mẫu theo đúng trình tự, không làm ảnh hưởng đến chất lượng, số lượng và trạng thái mẫu.

Biên bản gồm 02 trang, được lập thành 02 bản có sự chứng kiến, thống nhất nội dung là đúng sự thật và được gửi cho các bên tham gia.

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ
LẤY MẪU**


Phạm Bá Sơn

BM.HD.TT7.3-01.02.2

ĐẠI DIỆN

.....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ


Nguyễn Tấn Quyền

Ban hành lần: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THỊNH TRƯỜNG PHÁT

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ XÉT NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

Đc: LK 423, khu đất dịch vụ Yên Lộ, Yên Nghĩa, Hà Đông, TP. Hà Nội

Tell: 0988177526 - 0333258686

BIÊN BẢN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Hôm nay, vào hồi giờ phút, ngày 17 tháng 09 năm 2024.

Tại: Công ty TNHH Aiden Việt Nam

Địa chỉ: Lô 5, KCN Nam Sách, tp. Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Chúng tôi gồm:

I. ĐẠI DIỆN: CƠ SỞ ĐƯỢC LẤY MẪU

1. Ông (bà):, Chức vụ:

2. Ông (bà):, Chức vụ:

II. ĐẠI DIỆN: BQL Khu CN

1. Ông (bà):, Chức vụ:

2. Ông (bà):, chức vụ:

III. ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THỊNH TRƯỜNG PHÁT

1. Ông (bà): Nguyễn Tuấn Cường, Chức vụ: NV

2. Ông (bà):, chức vụ:

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của Cơ sở như sau:

IV. ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU:

trời nắng, không mưa

V. ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU:

biết thường

VI. TÌNH TRẠNG BẢO QUẢN VÀ NIÊM PHONG MẪU VẬT:

Mẫu được thu, bảo quản đúng theo TCVN hiện hành và có niêm phong của các bên liên quan.

VII. NỘI DUNG ĐO ĐẠC, LẤY MẪU:

STT	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Tọa độ	Ký hiệu
A	Môi trường <u>Nước thải</u>		
1	<u>Đầu ra cuối cùng trước khi chảy vào</u>	X: <u>2319281</u> Y: <u>590589</u>	<u>NT</u>

2	Hệ thống thoát nước thải của KCN	X:	
		Y:	
3		X:	
		Y:	
4		X:	
		Y:	
B	Môi trường.....		
1		X:	
		Y:	
2		X:	
		Y:	
3		X:	
		Y:	
C	Môi trường.....		
1		X:	
		Y:	
2		X:	
		Y:	
3		X:	
		Y:	

VII. PHƯƠNG PHÁP LẤY MẪU :

- **Khí thải:** ☐ US EPA method 2, ☐ US EPA method 5, ☐ US EPA method 8, ☐ US EPA method 26, ☐ US EPA method 29, ☐ PD/ CEN 13649:2014,

- **Không khí:** ☐ QCVN 46:2012/BTNMT, ☐ TCVN 5067:1995, ☐ TTP.SPT.KXQ, ☐ TCVN 5971:1995, ☐ TCVN 6137:2009,

- **Nước Thải:** ☐ TCVN 6663:2016,

Việc đo đạc, lấy mẫu:

Bắt đầu hồi giờ Phút, ngày 17, tháng 09, năm 2024

Kết thúc hồi giờ phút, ngày 17, tháng 09, năm 2024

Quá trình lấy mẫu và bảo quản mẫu theo đúng trình tự, không làm ảnh hưởng đến chất lượng, số lượng và trạng thái mẫu.

Biên bản gồm 02 trang, được lập thành 02 bản có sự chứng kiến, thống nhất nội dung là đúng sự thật và được gửi cho các bên tham gia.

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ
LẤY MẪU**


Nguyễn Tuấn Cường

ĐẠI DIỆN


Nguyễn Thị Nga

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ


Vũ Thị Gân



THỊNH TRƯỜNG PHÁT

VIMCERTS 316

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THỊNH TRƯỜNG PHÁT
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ XÉT NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lộ, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

Tel: 081.585.6611

Mail: ttp2022@thinhtruongphat.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 07232 /2024/PKQ(24.4222)

1. Đơn vị yêu cầu : Công ty TNHH Aiden Việt Nam
2. Địa chỉ : Lô đất L5, Khu công nghiệp Nam Sách, phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam
3. Địa điểm lấy mẫu : Lô đất L5, Khu công nghiệp Nam Sách, phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam
4. Ngày lấy mẫu : 17/09/2024
5. Ngày trả kết quả : 10/10/2024
6. Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	KSX180924-011	K1	Khu vực đầu xưởng sản xuất tầng 1 (Đầu DIP) (2319229; 590552)	Không khí sản xuất
2	KSX180924-012	K3	Khu vực lò sấy- SMT (2319228; 590536,7)	Không khí sản xuất
3	KSX180924-013	K4	Khu vực kho (2319277,3; 590497,2)	Không khí sản xuất
4	KSX180924-014	K5	Khu vực sản xuất Tamagawa - Đức (2319306,5; 590503,4)	Không khí sản xuất
5	KSX180924-015	K6	Khu vực sản xuất Harada (2319216,7; 590513,8)	Không khí sản xuất
6	KSX180924-016	K7	Khu vực sản xuất Misawa Tamagawa (2319234,5; 590536,8)	Không khí sản xuất
7	KSX180924-017	K8	Khu vực sản xuất Utech- Star (2319226; 590526)	Không khí sản xuất

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
5. KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định
8. (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



8	KSX180924-018	K2	khu vực cuối xưởng sản xuất tầng 1 (Đầu DIP) (2319261,2; 590557,6)	Không khí sản xuất
---	---------------	----	--	-----------------------

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
5. KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định
8. (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ				QCVN 03:2019/ BYT
				K1	K3	K4	K5	STEL
1	Nhiệt độ ^(c)	°C	TCVN 5508:2009	28,8	29,2	29,3	28,9	18 ÷ 32 ⁽¹⁾
2	Độ ẩm ^(c)	%	TCVN 5508:2009	64,2	63,8	63,7	64,2	40 ÷ 80 ⁽¹⁾
3	Tốc độ gió ^(c)	m/s	TCVN 5508:2009	0,3	0,3	0,4	0,4	0,2 ÷ 1,5 ⁽¹⁾
4	SO ₂ ^(c)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,066	0,066	0,064	0,069	10
5	NO ₂ ^(c)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,088	0,076	0,085	0,073	10
6	C _x H _y ^(c)	mg/m ³	NIOSH method 1500	KPH	KPH	KPH	KPH	300 ⁽²⁾
7	CO ^(c)	mg/m ³	TTP.SPT.KXQ.01	5,06	6,79	6,28	6,68	40
8	Tiếng ồn (LA _{max}) ^(c)	dBA	TCVN 9799:2013	68,7	69,8	65,2	73,8	115 ⁽³⁾
9	Tiếng ồn (LA _{eq}) ^(c)	dBA	TCVN 9799:2013	66,2	68,4	63,1	71,3	85 ⁽³⁾
10	Bụi toàn phần (mẫu thời điểm) ^(c)	mg/m ³	Thường quy kỹ thuật Viện Sức khỏe Nghề nghiệp và Môi trường năm 2015	0,062	0,092	0,088	0,121	8 ⁽⁴⁾

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ				QCVN 03:2019/ BYT
				K6	K7	K8	K2	STEL
1	Nhiệt độ ^(c)	°C	TCVN 5508:2009	28,9	28,8	28,9	28,9	18 ÷ 32 ⁽¹⁾
2	Độ ẩm ^(c)	%	TCVN 5508:2009	64,1	64,3	64,2	64,1	40 ÷ 80 ⁽¹⁾
3	Tốc độ gió ^(c)	m/s	TCVN 5508:2009	0,3	0,3	0,3	0,3	0,2 ÷ 1,5 ⁽¹⁾
4	SO ₂ ^(c)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,088	0,085	0,070	0,068	10

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng.
5. KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định.
8. (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



5	NO ₂ ^(c)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,082	0,084	0,068	0,066	10
6	C _x H _y ^(c)	mg/m ³	NIOSH method 1500	KPH	KPH	KPH	KPH	300 ⁽²⁾
7	CO ^(c)	mg/m ³	TTP.SPT.KXQ.01	5,67	5,46	5,06	6,07	40
8	Tiếng ồn (LA _{max}) ^(c)	dBA	TCVN 9799:2013	67,4	66,2	68,2	67,3	115 ⁽³⁾
9	Tiếng ồn (LA _{eq}) ^(c)	dBA	TCVN 9799:2013	65,6	64,8	65,9	64,1	85 ⁽³⁾
10	Bụi toàn phần (mẫu thời điểm) ^(c)	mg/m ³	Thường quy kỹ thuật Viện Sức khỏe Nghề nghiệp và Môi trường năm 2015	0,091	0,083	0,086	0,058	8 ⁽⁴⁾

Chú thích:

(c)- Thông số không thuộc phạm vi quy định trong văn bản quy phạm pháp luật về môi trường của Bộ TNMT và được thực hiện theo Giấy phép đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động số: 195/SYT-NVY ngày 17 tháng 01 năm 2023;

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc
- STEL: Là giá trị nồng độ của một chất trong không khí môi trường lao động, tính trung bình theo thời lượng 15 phút, mà không được phép để người lao động tiếp xúc vượt quá ngưỡng này.
- (1): QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
- (2): QĐ 3733/2002/QĐ-BYT: Quyết định của Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động và 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động
- (3): QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- (4): QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM



Trần Thị Luyến

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2024

P.GIÁM ĐỐC



Hữu Thị Ngân

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
- KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định
- (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;





THỊNH TRƯỜNG PHÁT
KẾT QUẢ MÔI TRƯỜNG - NƯỚC VÀ KHÍ

VIMCERTS 316

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THỊNH TRƯỜNG PHÁT
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ XÉT NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lộ, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

Tel: 081.585.6611

Email: ttp2022@thinhtruongphat.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 07233 /2024/PKQ(24.4222)

- Đơn vị yêu cầu : Công ty TNHH Aiden Việt Nam
- Địa chỉ : Lô đất L5, Khu công nghiệp Nam Sách, phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam
- Địa điểm lấy mẫu : Lô đất L5, Khu công nghiệp Nam Sách, phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam
- Ngày lấy mẫu : 17/09/2024
- Ngày trả kết quả : 10/10/2024
- Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	N180924-023	NT	Nước thải tại hố ga cuối trước khi xả ra hệ thống thu gom của khu công nghiệp (2319276,4; 590590,7)	Nước thải

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
- KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định
- (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/ BTNMT
				NT	Cột A
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,12	6 ÷ 9
2	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/l	TCVN 6001-1:2008	2,74	30
3	COD ^(b)	mg/l	SMEWW 5220C:2017	3,19	75
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/l	TCVN 6625:2000	5	50
5	Pb ^(b)	mg/l	TCVN 6193:1996	KPH (MDL = 0,03)	0,1
6	Nitrat (NO ₃ ⁻ _N) ^(b)	mg/l	SMEWW 4500.NO ₃ ⁻ .E:2017	0,78	-
7	Kẽm (Zn) ^(b)	mg/l	TCVN 6193:1996	KPH (MDL = 0,01)	3
8	Niken (Ni) ^(b)	mg/l	TCVN 6193:1996	KPH (MDL = 0,02)	0,2
9	Sắt (Fe) ^(b)	mg/l	US EPA Method 200.7	KPH (MDL = 0,010)	1
10	NH ₄ ⁺ _N ^(b)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	0,20	5
11	Thiếc (Sn) ^(d)	mg/l	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL= 0,002)	-
12	Tổng N ^(b)	mg/l	TCVN 6638:2000	7,85	20
13	Tổng Photpho ^(b)	mg/l	TCVN 6202:2008	0,136	4
14	Coliform ^(b)	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2017	94	3.000
15	Tổng dầu mỡ [#]	mg/l	SMEWW 5520B: 2017	0,8	-

Chú thích:

(b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

(d)- Chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 11 do Công ty Cổ phần môi trường Đại Nam (Vimcert 288) thực

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
- KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định
- (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



hiện;

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp
- Cột A: quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Trần Thị Luyến

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2024

P. GIÁM ĐỐC

Hữu Thị Ngân



1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
5. KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định
8. (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;





THỊNH TRƯỜNG PHÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THỊNH TRƯỜNG PHÁT
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ XÉT NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lộ, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

Tel: 081.585.6611

Mail: ttp2022@thinhtruongphat.com.vn

VIMCERTS 316

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 07231 /2024/PKQ(24.4222)

1. Đơn vị yêu cầu : Công ty TNHH Aiden Việt Nam
2. Địa chỉ : Lô đất L5, Khu công nghiệp Nam Sách, phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam
3. Địa điểm lấy mẫu : Lô đất L5, Khu công nghiệp Nam Sách, phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam
4. Ngày lấy mẫu : 17/09/2024
5. Ngày trả kết quả : 10/10/2024
6. Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	KT180924-004	KT1	Khí thải ống khói xả lần 1 (2319333,2; 590532,8)	Khí thải
2	KT180924-005	KT2	Khí thải ống khói xả lần 2 (2319333,2; 590532,8)	Khí thải
3	KT180924-006	KT3	Khí thải ống khói xả lần 3 (2319333,2; 590532,8)	Khí thải

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
5. KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định
8. (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ				QCVN 19:2009/BTNMT	
				KT1	KT2	KT3	KQTB	Cột B	Cmax
1	CO ^(b)	mg/Nm ³	TTP.SĐN.KT.04	2,05	2,05	2,05	2,05	1.000	900
2	SO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	TTP.SĐN.KT.05	1,57	1,05	1,57	1,40	500	450
3	NO _x _NO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	TTP.SĐN.KT.06	3,01	3,01	2,44	2,82	850	765

Chú thích:

(b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
- Cmax=CxKPxKv: Nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp;

Trong đó:

C: Nồng độ tối đa cho phép của các chất ô nhiễm quy định trong QCVN 19:2009/BTNMT, áp dụng Cột B;

KP: Hệ số lưu lượng nguồn thải, đối với công ty có lưu lượng nguồn thải

20.000 < P < 100.000 m³/h nên lấy KP=0,9.

Kv: Hệ số vùng, đối với Công ty thuộc khu công nghiệp nên lấy Kv=1.

- KQTB: Kết quả trung bình.

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2024

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

P.GIÁM ĐỐC

Trần Thị Luyến

Hữu Thị Ngân

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
5. KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định
8. (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;





VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Website: <https://dainamenm.com>

Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 11378/2024/PKQ/24.3840

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần môi trường Thịnh Trường Phát
Địa chỉ : LK423, khu đất dịch vụ Yên Lộ, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, TP. Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu : Mẫu do khách hàng gửi đến
Loại mẫu : Nước thải Số mẫu: 1
Mã mẫu : 240920.NT.023
Ngày quan trắc/ nhận mẫu : 20/09/2024 Ngày trả kết quả: 02/10/2024

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả
				240920.NT.023
1	Thiếc (Sn)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,002)

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện;
 - Vị trí lấy mẫu (Thông tin vị trí lấy mẫu do khách hàng cung cấp):
- + 240920.NT.023: N180924_023.

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH

Hà Nội, ngày 02 tháng 10 năm 2024

P. GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Huân



Nguyễn Việt Cường

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 20 /GCN-BTNMT

Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2022

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Công ty cổ phần môi trường Thịnh Trường Phát;

Căn cứ kết quả thẩm định Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Công ty cổ phần môi trường Thịnh Trường Phát;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty cổ phần môi trường Thịnh Trường Phát

Địa chỉ văn phòng và phòng thí nghiệm: Nhà D9 NV7 lô 29 thuộc khu đô thị mới Geleximco, xã La Phù, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0964276176, 0988177526

Email: thinhtruongphat.vn@gmail.com

Đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo phạm vi chứng nhận tại Phụ lục kèm theo.

2. Mã số chứng nhận: VIMCERTS 316

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực ba (03) năm kể từ ngày ký đến hết ngày 04 tháng 8 năm 2025.

4. Công ty cổ phần môi trường Thịnh Trường Phát phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, các quy định pháp luật hiện hành và quan trắc theo đúng phạm vi được chứng nhận./.

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần môi trường Thịnh Trường Phát;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Sở TN&MT thành phố Hà Nội;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, QLCL(10).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Võ Tuấn Nhân

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN NĂNG LỰC ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP VỀ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG



CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ XÉT NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

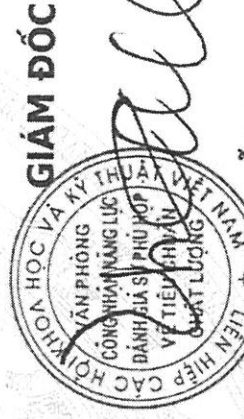
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THỊNH TRƯỜNG PHÁT

Địa chỉ: Liên kê 423 Khu đất dịch vụ Yên Lộ, Phường Yên Nghĩa,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
đã được đánh giá và phù hợp các yêu cầu của tiêu chuẩn

ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực công nhận: Thử nghiệm Hóa, Thử nghiệm Sinh học
Mã số: VLAT-1.0954

Số: AOSC-1.0954.1
Ngày cấp: 06/3/2023
Giá trị đến: 05/3/2028



GIÁM ĐỐC

PGS.TS NGUYỄN THỊ KHÁNH TRÂM

**VIETNAM UNION OF SCIENCE AND TECHNOLOGY ASSOCIATIONS
ACCREDITATION OFFICE FOR STANDARDS CONFORMITY ASSESSMENT CAPACITY**



ACCREDITATION CERTIFICATE

ENVIRONMENTAL MONITORING AND TESTING DEPARTMENT THINH TRUONG PHAT ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Adjacent to 423 Yen Lo Service Land, Yen Nghia Ward,
Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam

has been assessed and found conforming with the requirements of standard

ISO/IEC 17025:2017

Fields of Accreditation: Chemical Testing, Biology Testing

Accreditation Code: VLAT-1.0954

No.: AOSC-1.0954.1

Issue date: 06/3/2023

Expiration date: 05/3/2028

DIRECTOR



ASSOC. Prof. NGUYEN THI KHANH TRAM

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CHỨNG NHẬN

ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Số hiệu: VIMCERTS 288

(Cấp lần 01)

Tên tổ chức:

Công ty cổ phần môi trường Đại Nam

Trụ sở: Biệt thự số 18 Bt4-2, khu nhà ở Trung Văn, phường
Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Quyết định số: 2544 /QĐ-BTNMT ngày 24 tháng 12 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt
động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Người đứng đầu tổ chức:

Họ và tên: Nguyễn Minh Tuyền Chức vụ: Giám đốc

Số CCCD: 001087025595

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Ngày cấp: 10 tháng 7 năm 2021

Thời hạn của Giấy chứng nhận:

Từ ngày 24 tháng 12 năm 2021

Đến ngày 23 tháng 12 năm 2024

LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

I. QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

1. Nước:

- Lấy mẫu: 05

- Nước thải: 02

- Nước biển: 01

- Nước mưa

- Nước dưới đất:

2. Đất:

3. Bùn:

4. Trầm tích:

5. Chất thải rắn:

6. Khí:

- Không khí xung quanh:

- Khí thải:

Lấy mẫu: 05

Lấy mẫu: 02

Lấy mẫu: 01

Lấy mẫu: 01

Lấy mẫu: 02

Lấy mẫu: 01

Lấy mẫu: 01

Lấy mẫu: 01

Đo tại hiện trường: 10 thông số

Đo tại hiện trường: 06 thông số

Đo tại hiện trường: 08 thông số

Đo tại hiện trường: 04 thông số

Đo tại hiện trường: 08 thông số

Lấy mẫu: 27

Lấy mẫu: 35

II. PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

1. Nước:

- Nước mặt:

- Nước thải:

- Nước biển:

- Nước mưa:

- Nước dưới đất:

2. Đất:

3. Bùn:

4. Trầm tích:

5. Chất thải rắn:

6. Khí:

- Không khí xung quanh:

- Khí thải:

38 thông số

38 thông số

21 thông số

08 thông số

41 thông số

19 thông số

13 thông số

09 thông số

11 thông số

21 thông số

10 thông số

(Chỉ tiết phương pháp thử, giới hạn phát hiện của các thông số được chứng nhận
kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2021 của Bộ trưởng
Bộ Tài nguyên và Môi trường)/

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

KT. BỘ TRƯỞNG

V. TH. TRƯỞNG

Võ Tuấn Nhân

